

**BÁO CÁO DỰ ÁN FSB**

**Báo cáo 2 – Kế hoạch quản lý dự án**

– Hà Nội, tháng 6 năm 2021 –

**Table of Contents**

[1. Overview 4](#_Toc73977298)

[1.1 WBS & Estimation 4](#_Toc73977299)

[1.2 Project Objectives 6](#_Toc73977300)

[1.3 Project Risks 6](#_Toc73977301)

[2. Management Approach 7](#_Toc73977302)

[2.1 Project Process 7](#_Toc73977303)

[2.2 Quality Management 7](#_Toc73977305)

[2.3 Training Plan 7](#_Toc73977306)

[3. Master Schedule 8](#_Toc73977307)

[4. Project Organization 9](#_Toc73977308)

[4.1 Team & Structures 9](#_Toc73977309)

[4.2 Roles & Responsibilities 9](#_Toc73977310)

[5. Project Communication 10](#_Toc73977311)

[5.1 Communication Plan 10](#_Toc73977312)

[5.2 External Interface 10](#_Toc73977313)

[6. Configuration Management 11](#_Toc73977314)

[6.1 Tools & Infrastructures 11](#_Toc73977315)

[6.2 Document Management 11](#_Toc73977316)

[6.3 Source Code Management 11](#_Toc73977317)

## 1. Overview

### 1.1 WBS & Estimation

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **#** | **WBS Item** | **Complexity** | **Est. Effort**  **(man-days)** |
|  | **Tính năng 1. Tìm chuyến đi** | Phức tạp |  |
|  | **Tính năng 2: Đặt chỗ** | Đơn giản |  |
|  | **Tính năng 3: Đăng nhập** | Trung bình |  |
|  | **Tính năng 4: Đăng ký tài khoản** | Phức tạp |  |
|  | **Tính năng 5: Lấy lại mật khẩu** | Đơn giản |  |
|  | **Tính năng 6: Tài khoản của tôi** |  |  |
|  | 6.A. Đăng xuất | Đơn giản |  |
|  | 6.B. Đổi mật khẩu | Đơn giản |  |
|  | 6.C. Xem thông tin tài khoản | Đơn giản |  |
|  | 6.D. Sửa thông tin tài khoản | Đơn giản |  |
|  | **Tính năng 7: Chuyến đi của tôi** |  |  |
|  | 7.A. Lịch sử đặt chuyến | Trung bình |  |
|  | 7.B. Hủy chuyến | Trung bình |  |
|  | 7.C. Sửa chuyến đã đặt | Trung bình |  |
|  | **Tính năng 8: Quản lý Nhà Xe** |  |  |
|  | 8.A. Danh sách Nhà Xe | Đơn giản |  |
|  | 8.B. Thêm Nhà Xe | Trung bình |  |
|  | 8.C. Xóa Nhà Xe | Trung bình |  |
|  | 8.D. Khóa Nhà Xe | Trung bình |  |
|  | 8.E. Mở khóa Nhà Xe | Trung bình |  |
|  | **Tính năng 9: Quản lý Loại Xe** |  |  |
|  | 9.A. Danh sách Loại Xe | Đơn giản |  |
|  | 9.B. Thêm Loại Xe | Trung bình |  |
|  | 9.C. Xóa Loại Xe | Trung bình |  |
|  | **Tính năng 10: Quản lý Xe** |  |  |
|  | 10.A. Danh sách Xe | Đơn giản |  |
|  | 10.B. Thêm Xe | Trung bình |  |
|  | 10.C. Xóa Xe | Trung bình |  |
|  | 10.D. Khóa Xe | Trung bình |  |
|  | 10.E. Mở khóa Xe | Trung bình |  |
|  | **Tính năng 11: Quản lý Nhân Viên Tổng Đài** |  |  |
|  | 11.A. Danh sách Nhân Viên Tổng Đài | Đơn giản |  |
|  | 11.B. Thêm Nhân Viên Tổng Đài | Trung bình |  |
|  | 11.C. Xóa Nhân Viên Tổng Đài | Trung bình |  |
|  | 11.D. Khóa Nhân Viên Tổng Đài | Trung bình |  |
|  | 11.E. Mở khóa Nhân Viên Tổng Đài | Trung bình |  |
|  | **Tính năng 12: Quản lý Nhân Viên Xe** |  |  |
|  | 12.A. Danh sách Nhân Viên Xe | Đơn giản |  |
|  | 12.B. Thêm Nhân Viên Xe | Trung bình |  |
|  | 12.C. Xóa Nhân Viên Xe | Trung bình |  |
|  | 12.D. Khóa Nhân Viên Xe | Trung bình |  |
|  | 12.E. Mở Khóa Nhân Viên Xe | Trung bình |  |
|  | **Tính năng 13: Quản lý Chuyến Xe** |  |  |
|  | 13.A. Danh sách Chuyến Xe | Đơn giản |  |
|  | 13.B. Thêm Chuyến Xe | Trung bình |  |
|  | 13.C. Sửa Chuyến Xe | Trung bình |  |
|  | 13.D. Xóa Chuyến Xe | Trung bình |  |
|  | **Tính năng 14: Quản lý Điểm Dừng** |  |  |
|  | 14.A. Danh sách Điểm Dừng | Đơn giản |  |
|  | 14.B. Thêm Điểm Dừng | Trung bình |  |
|  | 14.C. Xóa Điểm Dừng | Trung bình |  |
|  | 14.D. Gán Điểm Dừng vào Chuyến Xe | Trung bình |  |
|  | 14.E. Gỡ Điểm Dừng khỏi Chuyến Xe | Trung bình |  |
|  | **Tính năng 15: Quản lý Vé** |  |  |
|  | 15.A. Danh sách Vé | Đơn giản |  |
|  | 15.B. Thêm Vé | Trung bình |  |
|  | 15.C. Sửa Vé | Trung bình |  |
|  | 15.D. Hủy Vé | Trung bình |  |
|  | 15.D. Xác nhận Thanh Toán | Trung bình |  |
| ***Tổng số ngày ước lượng*** | | | ***75 ngày*** |

### 1.2 Project Objectives

Phần này mô tả mô hình quy trình dự án, tổ chức nhóm và kế hoạch quản lý dự án. Các thành viên nhóm phải hoàn thành các phần việc đúng thời hạn được đưa ra dựa theo kế hoạch được tạo ra trong phần này.

### 1.3 Project Risks

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **#** | **Risk Description** | **Impact** | **Possibility** | **Response Plans** |
| 1 | Trong quá trình làm dự án, các thành viên không đủ thời gian hoàn thành đúng hạn task | Cao | Cao | Cần thảo luận và thống nhất, tìm ra giải pháp về mức độ ưu tiên giữa việc ở công ty và thời gian làm đồ án để khắc phục. |
| 2 | Trong quá trình làm đồ án, phát sinh công nghệ mới cần phải áp dụng tuy nhiên khả năng của các thành viên chưa tiếp cận, lĩnh hội kịp thời | Trung bình | Trung bình | Cần cử thành viên có kinh nghiệm về coding để nhanh chóng nắm bắt về kiến thức, công nghệ mới, triển khai vào dự án. |
| 3 | Trong quá trình làm dự án, các thành viên xảy ra mâu thuẫn | Cao | Trung bình | Cần thống nhất về vị trí, vai trò của từng người trước khi dự án bắt đầu. Những vấn đề không giải quyết được sẽ biểu quyết và xin ý kiến giáo viên hướng dẫn. |
| 4 | Quá trình làm dự án, vì không đảm bảo theo kế hoạch nên bị trễ tiến độ, ảnh hưởng của task này đến task khác | Cao | Cao | Cần đảm bảo đúng tiến độ từng giai đoạn, từng phase ngay từ ban đầu để đảm bảo tiến độ tổng thể của dự án. |
| 5 | Trong quá trình làm dự án, một thành viên bị ốm, hoặc công việc gia đình phải tạm ngưng những task mà người đó đang phụ trách | Cao | Cao | Cần sự hỗ trợ của các thành viên khác để cover phần của thành viên đó để đảm bảo tiến độ chung của dự án. |

## 2. Management Approach

### 2.1 Project Process

### 

### 2.2 Quality Management

- Phòng ngừa defect: Cần phải tạo 03 môi trường cơ bản: DEV, QA và PROD để đảm bảo hạn chế tới mức thấp nhất các lỗi phát sinh nếu có. Cần tuân thủ coding convention để đảm bảo thống nhất.

- Reviewing: Tất cả quá trình code đều phải có bước review theo từng function, review chéo và được team test kiểm tra cẩn thận.

- Unit Testing: Mỗi function, class đều phải có unit test riêng. Đồng thời, team test cần viết test case cụ thể cho từng function như trong tài liệu đặc tả.

- Integration Testing: Team test cần chuẩn bị test case cụ thể để nắm được luồng nghiệp vụ cụ thể.

- System Testing: Khi sản phẩm đã hoàn thành, cả 03 thành viên của dự án sẽ test lần lượt tổng thể các chức năng của dự án với từng role khác nhau.

### 2.3 Training Plan

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Training Area | Participants | When, Duration | Waiver Criteria |
| Java Spring Boot | Giáp, Tùng Minh |  | Bắt buộc |
| Angular, JSP | Giáp, Tùng Minh |  | Bắt buộc |
| Git, Github | Giáp, Tùng Minh |  | Bắt buộc |
| Testing | Giáp, Tùng Minh |  | Bắt buộc |
| Viết report dự án | Giáp, Tùng Minh |  | Bắt buộc |

## 3. Master Schedule

**3.1. Phần 1: Giới thiệu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mô tả** | Phát triển ý tưởng ban đầu của dự án, tổng quan về các giải pháp tương tự hiện có, phác thảo kinh doanh, các hạn chế của hệ thống hiện tại. |
| **Thời gian** |  |
| **Nguồn lực** | Tất cả thành viên |
| **Ràng buộc** | NA |
| **Rủi ro** | NA |

**3.2. Phần 2: Kế hoạch quản lý dự án phần mềm (SPMP)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mô tả** | - Xác định vấn đề  - Tổ chức dự án  - Lập kế hoạch quản lý dự án |
| **Thời gian** |  |
| **Nguồn lực** | Tất cả thành viên |
| **Ràng buộc** | Các phần việc cần được hoàn thành đúng thời gian chỉ đinh. |
| **Rủi ro** | Ước tính thời gian cho các khối lượng công việc không chính xác. |

**3.3. Phần 3: Đặc tả yêu cầu phần mềm (SRS)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mô tả** | - Mô tả yêu cầu người dùng  - Đặc tả yêu cầu hệ thống (Yêu cầu cụ thể)  - Sơ đồ mối quan hệ thực thể hoặc cơ sở dữ liệu |
| **Thời gian** |  |
| **Nguồn lực** | Analysis Team |
| **Ràng buộc** | Các phần việc cần được hoàn thành đúng thời gian chỉ đinh. |
| **Rủi ro** | Yêu cầu phần mềm có thể chưa đáp ứng được hết mọi nhu cầu sử dụng thực tế |

**3.4. Phần 4: Mô tả thiết kế phần mềm (SDD)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mô tả** | - Thiết kế kiến trúc hệ thống  - Sơ đồ thành phần và mô tả chi tiết của các thành phần  - Sơ đồ trình tự  - Thiết kế giao diện người dùng  - Thiết kế cơ sở dữ liệu |
| **Thời gian** |  |
| **Nguồn lực** | Analysis Team |
| **Ràng buộc** | Các phần việc cần được hoàn thành đúng thời gian chỉ đinh. |
| **Rủi ro** |  |

**3.5. Phần 5: Lập hồ sơ kiểm thử phần mềm (STD)**

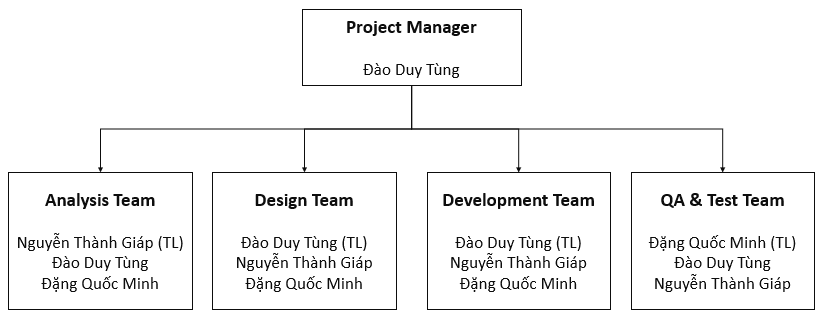
|  |  |
| --- | --- |
| **Mô tả** | - Lập trình frontend và backend  - Sau khi hoàn thành dự án, cần phải kiểm thử sản phẩm, báo cáo lại các lỗi và đảm bảo các lỗi đều được khắc phục. |
| **Thời gian** |  |
| **Nguồn lực** | Development and QA Team |
| **Ràng buộc** | NA |
| **Rủi ro** | NA |

**3.6. Phần 6: Đóng gói và triển khai**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mô tả** | Khi sản phẩm được hoàn thiện (bao gồm cả phát triển và kiểm thử) ứng dụng sẽ được chạy và sử dụng trên thiết bị, triển khai trên server. |
| **Thời gian** |  |
| **Nguồn lực** | Tất cả thành viên |
| **Ràng buộc** | NA |
| **Rủi ro** | NA |

## 4. Project Organization

### 4.1 Team & Structures



### 4.2 Roles & Responsibilities

|  |  |
| --- | --- |
| **Role** | **Responsibility** |
| Project Manager | - Lập kế hoạch các phần công việc, theo dõi, thực hiện để đảm bảo tiến độ dự án.  - Xem xét và kiểm tra, đảm bảo các tiêu chí đầu ra của dự án. |
| Analysis Leader | - Đưa ra ý tưởng và phân tích nghiệp vụ.  - Xác định phạm vi và tài liệu SRS của dự án.  - Thiết kế các sơ đồ cần thiết cho dự án. |
| Analysis Member | - Xác định tình huống quy trình kinh doanh và trạng thái đối  tượng.  - Mô tả các Use case |
| Design Leader | - Lên ý tưởng cho giao diện phần mềm dự án.  - Thiết kê giao diện phần mềm cho dự án |
| Design Member | - Hỗ trợ lên ý tưởng cho giao diện phần mềm dự án.  - Hỗ trợ hiết kê giao diện phần mềm cho dự án |
| Technical Leader | - Xác định cơ sở kiến trúc dựa trên tài liệu SRS.  - Cung cấp API. |
| Technical Member | - Thiết kế và lập trình giao diện frontend (dựa theo thiết kế được  cung cấp) và backend. |
| Test Leader | - Tạo mẫu tài liệu kiểm thử.  - Xác định kế hoạch kiểm thử, cung cấp tài liệu ghi nhận lỗi. |
| Test Member | - Thực hiện các test case và ghi nhận lỗi. |

## 5. Project Communication

### 5.1 Communication Plan

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Communication Item** | **Who/ Target** | **Purpose** | **When, Frequency** | **Type, Tool, Method(s)** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

### 5.2 External Interface

#### a. FU Contacts

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Function | Contact Person  (name, position) | Contact address  (email, telephone) | Responsibility |
| Supervisor | Lương Trung Kiên | Email: kienlt6@fe.edu.vn  Điện thoại: 0934292920 | - Cung cấp mẫu tài liệu  - Hướng dẫn cho nhóm dự án  - Xem lại các sản phẩm đã giao  - Giám sát tình trạng dự án |
| Supporter | Hoàng Thị Thanh Hương | Email: huonghtt2@funix.edu.vn  Điện thoại: 0934292920 | - Cung cấp mẫu tài liệu  - Nhận báo cáo dự án  - Giải đáp thắc mắc về dự án |

#### b. Customer Contacts

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Function | Contact Person  (name, position) | Contact address  (email, telephone) | Responsibility |
| Supervisor | Lương Trung Kiên | Email: kienlt6@fe.edu.vn  Điện thoại: 0934292920 |  |
| Supporter | Hoàng Thị Thanh Hương | Email: huonghtt2@funix.edu.vn  Điện thoại: 0934292920 |  |

## 6. Configuration Management

### 6.1 Tools & Infrastructures

|  |  |
| --- | --- |
| **Programming languages** | Java, Angular 7 |
| **Framework** | Java Spring Boot |
| **API** | API |
| **DBMS** | SQL |
| **IDEs/Editors** | Visual Studio Code, Eclipse/Intelij |
| **UML tools** | Visio, Draw.io |
| **Version Control** | Git hub |
| **Deployment server** | Amazon Web Service |
| **Project management tool** | Microsoft Project |

### 6.2 Document Management

- Tất cả các tài liệu trong dự án đều quản lý trong thư mục Document trên Github với đường dẫn sau: <https://github.com/tungdduy/funixCP/tree/main/Documents>

- Đồng thời, sẽ lưu trữ 01 bản backup tại driver chung của nhóm.

### 6.3 Source Code Management

- Source code của dự án được lưu trữ trên Github với đường dẫn sau: <https://github.com/tungdduy/funixCP/tree/main/SourceCode>

- Đồng thời, sẽ lưu trữ 01 bản backup tại driver chung của nhóm.